

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/DS-ST

Ngày: 06/9/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1268/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Công ty D, khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số C, tổ D, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà N có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 17/5/2022, bà Lê Thị N có cho bà Trần Thị H vay số tiền 100.000.000đ. Khi vay, các bên có lập giấy mượn tiền, bà N đã giao đủ số tiền cho bà H bằng tiền mặt. Theo thỏa thuận, thời hạn vay là 06 tháng (kể từ ngày 17/5/2022 đến ngày 18/11/2022), lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Sau khi vay tiền, bà H có thanh toán được cho bà N tiền lãi số tiền 12.000.000đ, sau đó không tiếp tục thanh toán. [Họ và Tên:](#) Bà Nguyệt" Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền 100.000.000đ nhưng bà H đến nay vẫn không thanh toán tiền cho bà N.

Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán cho bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 18/11/2022 đến ngày 18/02/2024 theo lãi suất 1,5%/tháng, tổng cộng số tiền là 122.500.000đ. Ngày 26/7/2024, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà H trả lãi.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N, buộc bị đơn bà Trần Thị H phải trả cho bà N số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N với bị đơn bà Trần Thị H đối với yêu cầu thanh toán lãi.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền đã vay theo giấy mượn tiền ngày 17/5/2022. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú thành phố B, tỉnh Đồng Nai

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Bà Lê Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H phải trả cho bà tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy mượn tiền ngày 17/5/2022, có chữ ký của bà H.

Xét thấy, bà Trần Thị H có quan hệ vay mượn tiền với bà Lê Thị N. Theo giấy mượn tiền ngày 17/5/2022, bà H vay của bà N số tiền 100.000.000đ, tại giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà N và bà H. Việc vay tiền các bên thỏa thuận thời hạn mượn tiền 06 tháng. Bà N1 đã yêu cầu bà H thanh toán tiền cho bà nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của bà H và được Công an phường L cung cấp thông tin: Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số C, tổ D, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà H vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện niêm yết đơn khởi kiện, giấy mượn tiền, đề nghị bà H có ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà H cũng không có ý kiến. Do vậy xem như bà H đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên,... khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Sau khi hết thời hạn vay 06 tháng, bà N1 đã yêu cầu bà H thanh toán nợ nhưng bà H không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N1 về việc buộc bà H thanh toán cho bà N1 số tiền đã vay 100.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà H thanh toán tiền lãi. Xét thấy, việc rút một phần

yêu cầu khởi kiện của bà N là tự nguyện, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với yêu cầu thanh toán lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (100.000.000đ x 5%). Hoàn trả cho bà N tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N với bị đơn bà Trần Thị H đối với yêu cầu thanh toán lãi.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 3.062.500đ (Ba triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 03128 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy